

Bản án số: 65/2022/DS-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v: T/c hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nhâm Đức Hùng**;

2. Ông **Danh chung**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lâm Sễn**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 Đ, phường 13, Quận 4, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lô Bằng G**- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Lương Hoàng Y**

Địa chỉ: Tầng M Tòa nhà R, số 9 Đ, phường 13, Quận 4, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Anh **Phạm Văn Th**

Căn cước công dân số: 089091011926 cấp ngày 06/01/2022

Địa chỉ: F2-73 đường Ng, khu vực Th, phường Ph, quận C, thành phố C.

(Theo văn bản ủy quyền số : 13/UQTA-XLTD, ngày 17/6/2022)

*** Bị đơn:** Anh **Danh Ái T**, sinh năm: 1992. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện Ch, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 05-05-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th) - Ông Phạm Văn Th trình bày:*

Vào ngày 11/5/2020 ông Danh Ái T có ký Hợp đồng tín dụng số 20200511-2992760 với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th vay số tiền là 53.750.000 đồng và thỏa thuận lãi suất cho vay 3.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa Thuận trong hợp đồng ông Danh Ái T có trách nhiệm thanh toán số tiền 82.729.710 đồng gồm cả gốc lẫn lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng, 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 3.494.980 đồng, tháng cuối cùng trả 2.345.170 đồng. Bắt đầu từ ngày 03/6/2020. Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th 03 lần với số tiền đã trả là 10.521.000 đồng. Kể từ ngày 02/9/2020 đến nay ông Danh Ái T không thanh toán bất cứ nghĩa vụ nào dù công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh Ái T phải thanh lý hợp đồng trả một lần cho công ty toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau: Nợ gốc tính đến ngày 04/5/2022: **48.900.675** đồng; Nợ lãi tính đến ngày 04/5/2022: **23.308.035** đồng.

Tổng số tiền công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh Ái T phải thanh toán số tiền là **72.208.710** đồng.

*Tại phiên tòa hôm nay, anh Phạm Văn Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Danh Ái T phải thanh toán số tiền **72.208.710** đồng (gốc: 48.900.675 đồng, lãi 23.308.035 đồng)*

** Bị đơn ông Danh Ái T không giao nộp bản tự khai thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th.*

Tại phiên tòa anh Phạm Văn Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh Danh Ái T vắng mặt lần 2 không lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm nghị án tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Danh Ái T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Danh Ái T đều không có mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*: Tại đơn khởi kiện ngày 05-5-2022 Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th có đơn khởi kiện yêu cầu anh Danh Ái T trả nợ vay cho Công ty tài chính theo hợp đồng tín dụng số 20200511-2992760 ngày 11/5/2020. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp giữa các bên được xác định là: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Hiện nay anh T đang sinh sống tại địa chỉ: ấp V, xã V, huyện Ch, tỉnh K. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K.

[3] *Về phạm vi khởi kiện*: Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Danh Ái T phải thanh lý hợp đồng trả một lần cho công ty toàn bộ số tiền nợ là **72.208.710** đồng. Trong đó nợ gốc tính đến ngày 04/5/2022: **48.900.675** đồng; Nợ lãi tính đến ngày 04/5/2022: **23.308.035** đồng. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện* của Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th yêu cầu buộc anh Danh Ái T thanh toán số tiền nợ **72.208.710** đồng. Trong đó nợ gốc tính đến ngày 04/5/2022: **48.900.675** đồng; Nợ lãi tính đến ngày

04/5/2022: **23.308.035** đồng, Tòa án nhận thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến phản đối nào với yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Nên xem như anh T đã mặc nhiên thừa nhận khoản nợ trên. Đồng thời, sau khi ký hợp đồng anh Danh Ái T đã trả vốn vay cho Công ty Tài chính số tiền 03 lần với số tiền đã trả là 10.521.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định giữa Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th và anh Danh Ái T có ký kết Hợp đồng tín dụng ngày 11/05/2020.

[4.1] Về tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng ngày 11/05/2020: Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th ký kết hợp đồng tín dụng với anh Danh Ái T. Các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Các đương sự thỏa Thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng.

[4.2] Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th đã giải ngân đủ số tiền 53.750.000 đồng theo yêu cầu của anh T. Tuy nhiên, anh T chỉ mới trả tiền vốn và lãi cho Công ty Tài chính 03 kỳ với số tiền 10.521.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo Điều 3 Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó, Công ty Tài chính yêu cầu anh T thanh toán toàn bộ số tiền vốn vay còn nợ là **72.208.710** đồng mà hai bên đã ký kết là có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy, việc anh Danh Ái T vay tiền của Công ty Tài chính được các bên xác lập bằng hợp đồng tín dụng số 20200511-2992760 ngày 11/5/2020, hợp đồng thể hiện rõ số tiền vay, mục đích vay, mức lãi suất, phương thức, thời gian thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên. Các điều khoản thỏa thuận được ghi nhận trong hợp đồng là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật

dân sự về hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết.

Việc thỏa thuận lãi suất vay phù hợp với Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 nên sự thỏa thuận giữa Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th và bị đơn anh Danh Ái T được xem là hợp pháp.

Trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Danh Ái T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty Tài Chính tổng cộng số tiền gốc và lãi là: **72.208.710** đồng. Trong đó nợ gốc tính đến ngày 04/5/2022: **48.900.675** đồng; Nợ lãi tính đến ngày 04/5/2022: **23.308.035** đồng là hoàn toàn phù hợp.

[5] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc anh Danh Ái T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số nợ phải trả cho Ngân hàng là: **72.208.710** x 5% = 3.610.436 (Ba triệu, sáu trăm mười nghìn, bốn ba sáu đồng).

Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th không phải chịu án phí; Hoàn trả cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009425 ngày 10-6-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ch, tỉnh K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 116, Điều 117, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng, khoản 2 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Áp dụng Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc anh Danh Ái T có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th số tiền vay gốc và lãi là: **72.208.710** đồng (Bảy mươi hai triệu hai trăm lẻ tám ngàn bảy trăm mười đồng). Trong đó nợ gốc tính đến ngày 04/5/2022: **48.900.675** đồng; Nợ lãi tính đến ngày 04/5/2022: **23.308.035** đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Danh Ái T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền : 3.610.436 (Ba triệu, sáu trăm mười nghìn, bốn ba sáu đồng).

Hoàn trả cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Th tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009425 ngày 10-6-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ch, tỉnh K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng